

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẤT ĐỎ
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/DS-ST

Ngày 19- 9- 2018

V/v tranh chấp hợp đồng góp hui,
hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Ánh Nguyệt

Bà Huỳnh Thị Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thùy - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Minh Khuê - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2018/TLST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng góp hui, hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXX-ST ngày 02 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2018/QĐST- DS ngày 28 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

+ Ông Bùi Chí L - sinh năm: 1971 (Có mặt);

Địa chỉ: Tổ 3, ấp H, xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

+ Bà Nguyễn Thị D- sinh năm: 1972 (Có mặt)

Địa chỉ: 35/3A ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh BR- VT.

- Bị đơn:

+ Bà Huỳnh Thị Kim C - sinh năm: 1961(Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

+ Ông Trương Văn T- sinh năm: 1956 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 3 năm 2018 và tại các lời khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn ông Bùi Chí L và bà Nguyễn Thị D trình bày:

Vào ngày 25 tháng 6 năm 2016 (Âm lịch), vợ chồng ông Bùi Chí L, bà Nguyễn Thị D có tổ chức ra một dây hụi với nội dung và hình thức như sau:

Về nội dung: Ông L, bà D làm chủ dây hụi gồm 18 phần, mỗi tháng mở 01 kỳ (vào ngày 25 Âm lịch); mệnh giá mỗi kỳ 1.000.000đồng. Hàng mỗi kỳ hốt hụi bằng hình thức bốc thăm, hụi viên nào bốc thăm mệnh giá cao nhất sẽ được lĩnh hụi, các hụi viên còn lại căn cứ vào số tiền người bốc thăm trúng để góp nhiều hay ít và số tiền người bốc thăm trúng cũng chính là số tiền lãi hàng kỳ mà người tham gia góp hụi chưa lĩnh được hưởng vào cuối kỳ.

Về hình thức: Các bên góp hụi chủ yếu dựa vào chữ tín, thỏa thuận miệng, khi hụi viên tham gia thì chủ hụi giao cho 1 giấy tay, ghi tên các hụi viên trong dây hụi; đến kỳ lĩnh hụi thì chủ hụi lập giấy tay xác nhận;

Trong dây hụi nêu trên, bà C tham gia 1 phần, lĩnh hụi đầu tiên với số tiền bốc thăm là 285.000đồng và lĩnh được tổng cộng là 11.855.000đồng. Vợ chồng bà D đã giao đủ tiền hụi (có biên bản giao nhận kèm theo), hàng tháng bà C có nghĩa vụ phải góp lại cho các hụi viên khác trong 17 kỳ. Tuy nhiên, bà C chỉ góp được 9 kỳ, sau đó không góp nữa. Vì vậy, vợ chồng bà D phải đứng ra góp 8 phần hụi tương ứng với số tiền 8.000.000đồng (Tám triệu đồng) thay cho bà C.

Về nghĩa vụ liên đới trả nợ: Vợ chồng bà D xác định số nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ cùng liên đới với bà C để trả nợ.

Ngoài ra, vào khoảng đầu năm 2017, vợ chồng ông L có cho bà C vay mượn 600.000đồng (Sáu trăm ngàn đồng). Việc vay mượn không tính lãi, thời hạn vay: vài ngày; hai bên chỉ nói thỏa thuận miệng, không có giấy tờ gì và đến nay vẫn chưa trả.

Nay, ông L và bà D yêu cầu ông T, bà C trả tiền góp hụi chưa thanh toán là 8.000.000đồng và tiền mượn là 600.000đồng. Tổng cộng: 8.600.000đồng (Tám triệu sáu trăm ngàn đồng).

Bị đơn bà Huỳnh Thị Kim C:

Trong quá trình Tòa án giải quyết đã thực hiện các thủ tục tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng bà Huỳnh Thị Kim C vắng mặt không có lý do nên không thể ghi nhận ý kiến của bà C.

Tòa án đã xác minh chính quyền địa phương về địa chỉ nơi cư trú của bà C vẫn còn đăng ký hộ khẩu tại địa chỉ ấp Tân Hòa, xã Long Tân, huyện Đất Đỏ; tuy nhiên bà C thiếu nợ nhiều người nên bỏ đi từ khoảng tháng 6/2018 đến nay. Khi đi, bà C không thông báo cho địa phương biết, vì vậy địa phương không thể cung cấp địa chỉ mới cho Tòa.

Bị đơn ông Trương Văn T trong biên bản lấy lời khai trình bày:

Ông T có quan hệ là chồng của bà Huỳnh Thị Kim C. Tuy nhiên, hai vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2010 đến nay. Trong thời gian ly thân, hai bên không gặp nhau, mỗi người ở một nơi, hai bên không liên quan gì với nhau về vấn đề kinh tế trong gia đình. Việc bà C có tham gia góp hui với chủ hui là ông Bùi Chí L và bà Nguyễn Thị D, ông T hoàn toàn không biết, không nhận tiền lĩnh hui từ vợ chồng ông L do đó nên không có trách nhiệm trả nợ, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

*** Tại phiên tòa:**

Các nguyên đơn rút một phần yêu cầu, không yêu cầu tranh chấp hợp đồng vay tài sản về việc buộc vợ chồng bà C phải trả số tiền 600.000đồng (Sáu trăm nghìn đồng), đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này. Đối với yêu cầu khác vẫn giữ nguyên.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định đã cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp bổ sung đồng thời cũng không đề nghị Hội đồng xét xử thu thập thêm tài liệu, chứng cứ gì mới. Đối với những người cùng tham gia góp hui trong dây hui với bà C thì hiện nay họ đã góp xong, ở mỗi người một nơi, không rõ địa chỉ nên không thể cung cấp họ tên, địa chỉ của họ cho Tòa để mời họ đến tham gia tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:* Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Về sự vắng mặt bị đơn, Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bà C, ông T. Tuy nhiên, bà C, ông T vắng mặt nên Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn như theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà C có nghĩa vụ thanh toán cho ông Bùi Chí L và bà Nguyễn Thị D số tiền góp hui còn lại 8.000.000đồng (Tám triệu đồng). Đối với khoản vay nợ 600.000đồng, tại phiên tòa, các nguyên đơn đã rút yêu cầu này nên đề nghị hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về thẩm quyền:* Bị đơn bà Huỳnh Thị Kim C và ông Trương Văn T có nơi cư trú tại huyện Đất Đỏ nên căn cứ theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Tại thời điểm giao kết hợp đồng, các nguyên đơn cung cấp địa chỉ cư trú của bà C, ông T tại ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Trong quá trình vụ án, bà C thay đổi nơi cư trú gắn liền với việc thực hiện nghĩa vụ nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết là vi phạm khoản 3 Điều 40 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử xác định bị đơn cố tình dấu địa chỉ do đó theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị Quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án huyện Đất Đỏ tiến hành niêm yết theo địa chỉ thường trú của bị đơn để giải quyết vụ án.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Kim C và ông Trương Văn T đã được Toà án triệu tập lần thứ hai để tham gia phiên toà sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà C, ông T.

[1.2] *Về quan hệ tranh chấp*: Quá trình tham gia tố tụng, các nguyên đơn yêu cầu bà C, ông T trả số tiền góp hụi và vay nợ. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng góp hụi và tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463, 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hợp đồng góp hụi (họ):

Ông Bùi Chí L và bà Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị Kim C và ông Trương Văn T trả số nợ hụi là 8.000.000đồng (Tám triệu đồng). Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, vợ chồng ông L cung cấp cho Tòa án 01 tờ giấy học sinh với tiêu đề “Giấy giao tiền hụi” và xác định giấy tay này do bà C trực tiếp ký và ghi họ tên (BL: 38). Nội dung giấy tay như sau: Nguyễn Thị D có giao cho bà Huỳnh Thị Kim C một đầu hụi hốt áp cái với giá tiền bỏ hốt là 285.000đ; tổng số tiền giao là 11.855.000đ, bà C đã nhận đủ tiền và cam kết hàng tháng đóng lại 1.000.000đ hụi chết cho đến ngày 25.11.2017 Âm lịch là mùng hụi.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về việc đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ nhưng bà C không có ý kiến gì đối với các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như không có yêu cầu phản tố. Do vậy, theo quy định tại các Điều 91, 92, 96 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ nguyên đơn cung cấp và chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ để xem xét giải quyết.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: xét về nội dung, quá trình thực hiện hợp đồng góp hụi, bà C đã nhận tiền bằng chứng là giấy giao tiền hụi có chứa đựng nội dung bà D giao cho bà C số tiền 11.855.000đồng, bà C đã nhận đủ số tiền này và cam kết hàng tháng góp lại 1.000.000đồng. Tuy nhiên, bà D trình bày bà C chỉ góp được 9 kỳ, sau đó không góp nữa và vợ chồng bà D phải đứng ra thay bà C góp cho các hụi viên

còn lại 8 phần hui tương ứng với số tiền 8.000.000đồng (Tám triệu đồng). Do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định 144/20006-NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ thì bà C có nghĩa vụ phải trả cho vợ chồng bà D các phần hui chậm trả là có cơ sở để chấp nhận.

Xét về nghĩa vụ liên đới trả nợ: Ông Trương Văn T không đồng ý cùng với bà Huỳnh Thị Kim C liên đới trả nợ cho vợ chồng bà Nguyễn Thị D. Qua kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thấy rằng ông T và bà C đã sống ly thân nhau từ năm 2010 đến nay, hai bên không còn liên quan gì với nhau về vấn đề kinh tế trong gia đình. Thời điểm cá nhân bà C tham gia góp hui (từ 25/6/2016 đến 25/11/2017) thì hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau và khi chung chi tiền hui được lĩnh thì bà C là người trực tiếp nhận, ông T không chứng kiến, không biết; trong giấy tay giao hui (BL: 38) không có chữ ký, chữ viết xác nhận của ông T mà chỉ có cá nhân bà C xác định nhận đủ tiền hui và cam kết sẽ góp lại hàng tháng cho đến khi mǎng hui. Ngoài ra, các nguyên đơn cũng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh bà C lấy số tiền lĩnh hui để nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu trong sinh hoạt của gia đình. Do đó, theo quy định tại các Điều 27, 30, 37 Luật hôn nhân và gia đình 2014 thì không có cơ sở để buộc ông T phải liên đới trả nợ cùng bà C.

Về lãi suất phát sinh: Không có yêu cầu nên không xem xét.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bà Huỳnh Thị Kim C có nghĩa vụ phải thanh toán cho ông Bùi Chí L và bà Nguyễn Thị D số tiền nợ hui là 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

[2.2] Về hợp đồng vay tài sản:

Tại đơn khởi kiện, ông L và bà D có yêu cầu ông T và bà C phải trả khoản tiền vay nợ là 600.000đồng (Sáu trăm ngàn đồng). Tuy nhiên, tại phiên tòa, vợ chồng bà D cho rằng họ không thể đưa ra chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình nên có đề nghị rút toàn bộ yêu cầu này. Xét đây là sự tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ, không xem xét yêu cầu này.

[3] Về án phí: Căn cứ theo Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Bà Huỳnh Thị Kim C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần được Tòa án chấp nhận là: $8.000.000\text{đồng} \times 5\% = 400.000\text{đồng}$; Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 463, 471, 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 30 Nghị định số 144/2006-NĐ-CP ngày

27/11/2006 của Chính phủ; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Chí L và bà Nguyễn Thị D đối với bà Huỳnh Thị Kim C về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

2. Buộc bà Huỳnh Thị Kim C có nghĩa vụ trả cho ông Bùi Chí L và bà Nguyễn Thị D các phần hụi do chậm thanh toán là 8.000.000đồng (Tám triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của ông Bùi Chí L và bà Nguyễn Thị D về việc yêu cầu ông Trương Văn T và bà Huỳnh Thị Kim C trả số tiền vay là 600.000đồng (Sáu trăm nghìn đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Huỳnh Thị Kim C phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 400.000đ (Bốn trăm ngàn đồng).

- Ông Bùi Chí L và bà Nguyễn Thị D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Bùi Chí L, bà Nguyễn Thị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số TU/2017/0000471 ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Đất Đỏ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thanh Tuyền

